

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LB
THNH PHỐ HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/KDTM-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LB-THNH PHỐ H NỘI**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Trần Thị Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận LB, tHnh phố HN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận LB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận LB, Thành phố HN, Tòa án nhân dân quận LB, Thành phố HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST – KDTM ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 01/2/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH (BIDV)

Địa chỉ: Số 35 phố H, phường L, quận H, thành phố HN.

Đại diện theo ủy quyền: ông NTT, Phó giám đốc và ông TMC sinh năm 1988- chức vụ: Chuyên viên phòng khách Hàng

Theo văn bản ủy quyền số 66/UQ-BIDV.LBHN ngày 02 tháng 3 năm 2020 và văn bản ủy số 138/QĐ-BIDV.LBHN-KHDN1 ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Bị đơn: CNC; Trụ sở: Lô 66 X, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố HN. Người đại diện theo pháp: Bà NTQ, sinh năm 1973; trú tại: B9, TT G, tổ 16 phường Đ, quận LB, thành phố HN.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông TNH, sinh năm 1982

2. Bà NTH, sinh năm 1979;

Cùng trú tại: Số 1 ngõ 987/68 NGT, tổ 25 (nay là tổ 26) phường T, quận LB, thành phố HN.

3. Chị VMT, sinh năm 1996;

4. Cháu TKA sinh năm 2019

Hiện trú tại: Số 3 ngõ 987/68 NGT, tổ 26 phường T, quận LB, tHnh phố HN.

Cháu A do chị T đại diện.

Ông C có mặt. bà Q, ông H, bà H và chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/7/2018 và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn NH (BIDV) ông NTT trình bày: NH – Chi nhánh Bắc HN (sau đây gọi tắt là “BIDV Bắc HN”) và CNC (sau đây gọi tắt là “Công ty CNC”) đã ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/7873583/HĐTD ngày 26/06/2018, các thông tin cơ bản của khoản vay: Số tiền cho vay theo hợp đồng: tối đa là: 5.350.600.000 đồng. Số tiền giải ngân thực tế: 5.350.600.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua Hàng. Lãi suất 10,29%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/7873583/HĐTD ngày 31/10/2018, thông tin cơ bản của khoản vay: Số tiền cho vay theo hợp đồng: tối đa là: 2.000.000.000 đồng. Số tiền giải ngân thực tế: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua Hàng. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm

- Hợp đồng tín dụng số 05/2018/7873583/HĐTD ngày 03/12/2018, thông tin cơ bản của khoản vay: Số tiền cho vay theo hợp đồng: tối đa là: 795.000.000 đồng. Số tiền giải ngân thực tế: 795.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua Hàng. Lãi suất trong hạn là 9,4%/năm

- Hợp đồng tín dụng số 06/2018/7873583/HĐTD ngày 06/12/2018, thông tin cơ bản của khoản vay: Số tiền cho vay theo hợp đồng: tối đa là: 6.847.000.000 đồng. Số tiền giải ngân thực tế: 6.0867.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua Hàng. Lãi suất trong hạn là 9,4%/năm

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7873583/HĐTD ngày 10/01/2019, thông tin cơ bản của khoản vay: Số tiền cho vay theo hợp đồng thể hiện tại hai hai bằng kê rút vốn là: 5.000.000.000 đồng. Số tiền giải ngân thực tế: 5.000.000.000 đôn. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên của bên vay. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua Hàng. Lãi suất trong hạn là 9,7%/năm

Lãi suất quá hạn của 05 Hợp đồng nêu trên là 150% lãi suất trong hạn.

Tổng số tiền cho vay theo các Hợp đồng tín dụng trên là 19.993.100.000 đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty CNC thực hiện thế chấp các tài sản bảo đảm cho BIDV Bắc HN với các tài sản cụ thể:

- Hệ thống dây chuyền con lăn và khung đỡ: Hợp đồng kinh tế số 230118/HĐKT/2018/CNC/9&10 ngày 23/01/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 07/04/2018

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 05 tấn: Hợp đồng kinh tế số 2510/HĐKT/2018/CNC-9&10 ngày 25/10/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000066 ngày 02/01/2019.

- Hệ thống máy pha tôn Plasma: Hợp đồng kinh tế số 7510/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 15/02/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000037 ngày 02/05/2018.

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 30 tấn: Hợp đồng kinh tế số 350/2018/HĐKT/2017/CNC- 9&10 ngày 25/01/2018;

- Hệ thống máy cắt kim loại. Hợp đồng kinh tế số 9076/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 01/03/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000050 ngày 15/06/2018

Tất cả những tài sản nói trên đều đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại HN.

- Quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 395872, số vào sổ cấp GCN: 1233, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3658.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3669.2017 ngày 16/08/2017, cụ thể như sau: Thửa đất số: 143-3, tờ bản đồ số: Xóm Lò.Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m²

- Quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 395873, số vào sổ cấp GCN: 1234, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3659.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3668.2017 ngày 16/08/2017, cụ thể như sau: Thửa đất số: 143-2, tờ bản đồ số: Xóm Lò.Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m²

- Quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 174754, số vào sổ cấp GCN: 238, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 30/12/2011. Ngày 21/12/2018, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông

TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 347/TN.12.8/HĐCN lập tại VPCC Trương Thị Nga, hồ sơ số 1804005893BD, cụ thể như sau: Thửa đất số: 146(2), tờ bản đồ số: 4. Địa chỉ: Tổ 25, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 66,8 m² (Sáu mươi sáu phẩy tám mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :66,8 m²; chung: 0 m²

- Tài sản là Phần vốn góp: Phần vốn góp của ông TNH có chứng minh thư nhân dân số 035082000169 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân cấp ngày 10/06/2015 tại Công ty CP sản xuất cơ khí và Xây dựng CNC theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/7873583/HĐBĐ ngày 12/07/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty CNC đã đề nghị giải ngân và được BIDV Bắc HN cấp tín dụng theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền giải ngân thực tế là: 19.993.100.000 đồng trong khoảng thời gian từ ngày 26/06/2018 đến ngày 15/01/2019 theo các Bảng kê rút vốn. Quá trình vay vốn, cho đến tháng 02/2019, Công ty CNC thực hiện trả nợ lãi theo đúng lịch trả nợ đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, kể từ tháng 03/2019, Công ty CNC đã dừng hẳn việc trả nợ gốc, lãi vay cho BIDV Bắc HN. Tính đến ngày 30/12/2019, tình trạng dư nợ vay của Công ty CNC tại BIDV Bắc HN theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên như sau:

- Dư nợ gốc: 19.993.100.000 đồng.
- Dư nợ lãi cộng dồn: 1.588.650.636 đồng.

Tổng cộng: 21.581.750.636 đồng

Do việc Công ty CNC có những động thái cho thấy rõ ràng việc không muốn trả nợ cho BIDV Bắc HN: Đề nghị Quý Tòa buộc CNC phải trả cho BIDV với tổng số tiền nợ còn thiếu là 21.581.750.636 đồng (*bằng chữ: hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*), trong đó: Dư nợ gốc: 19.993.100.000 VNĐ. Dư nợ lãi và phí phạt trả chậm cộng dồn tạm tính: đến 30/12/2019 là 1.588.650.636 VNĐ. Nếu công ty không thực hiện theo Điểm 1, thì yêu cầu cơ quan NH nước có thẩm quyền phát mại các tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp để thu hồi nợ cho BIDV. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ trả nợ cho công ty sản xuất cơ khí và Xây dựng CNC tại BIDV thì BIDV được quyền đề nghị cơ quan thi Hành án xác minh điều kiện trả nợ và yêu cầu CNC tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nghĩa vụ trả nợ. CNC phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký. CNC phải chịu mọi chi phí phát sinh theo quy định.

Bị đơn đại diện theo pháp luật là bà NTQ không đến. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông TNH không đến. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Bà NTH trình bày: Tôi là vợ của anh TNH. Khoảng năm 2015 vợ chồng tôi thành lập công ty CP Sản xuất cơ khí và xây dựng CNC dựa trên nền tảng của cơ sở sản xuất cơ khí. Công ty khi mới thành lập đứng tên chồng tôi TNH. Do Công

ty cần vốn làm ăn nên chồng tôi có bảo tôi phải thế chấp nhà, đất của hai vợ chồng để bảo đảm khoản vay của Công ty cho Ngân Hàng. Vì quá tin tưởng chồng nên tôi đã đồng ý thế chấp nhà đất của hai vợ chồng để bảo đảm khoản vay của Công ty CP Sản xuất cơ khí và xây dựng CNC cho Ngân Hàng. Việc vay bao nhiêu tiền, trình tự thủ tục và sử dụng nguồn vốn như thế nào của Công ty với Ngân Hàng tôi không hề biết và cũng không tham gia. Tôi chỉ biết chồng tôi bảo tôi ra ký hợp đồng thế chấp thì tôi ra ký. Cụ thể tôi đã ký thế chấp 03 bất động sản của hai vợ chồng gồm: thửa đất số 143-2; 143-3 tờ bản đồ xóm Lò thuộc tổ 22 và thửa đất số 146 tờ bản đồ số 4 tổ 25 (26) đều ở phường T, quận LB, THnh phố HN để đảm bảo khoản vay của công Ty với Ngân Hàng BIDV. Việc ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Tôi cũng không rõ công ty vay bao nhiêu tiền của Ngân Hàng và ngoài 03 khối tài sản nêu trên Công ty có còn phải thế chấp những gì nữa hay không tôi không rõ. Tại thời điểm đó tôi cùng anh H quản lý Công ty. Tôi không giữ chức vụ gì nhưng tôi là người quán xuyến công việc khách khứa quản lý công nhân. Việc sử dụng vốn cũng như trả lãi của Công ty như thế nào tôi không rõ. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh H không cho tôi tham gia công việc của công ty nữa nên tôi về nhà ở T chăm sóc con cái. Việc anh H đại diện theo pháp luật của Công ty thời gian nào tôi không rõ.

Hiện nay Công ty ở đâu còn hoạt động hay không tôi cũng không rõ. Từ năm 2017 anh H đã không ở cùng với mẹ con tôi và từ đầu năm 2018 anh H không về và hiện ở đâu tôi cũng không rõ.

Hiện nay 02 khối tài sản là thửa đất số thửa đất số 143-2; 143-3 tờ bản đồ xóm Lò thuộc tổ 22 Công ty đang quản lý sử dụng làm văn phòng còn ai là người quản lý sử dụng tôi không rõ vì lâu rồi tôi không ra. Thửa đất còn lại hiện tôi đang cho vợ chồng cháu tôi là TMT vợ là T cùng một con tên là N ở nhờ. Họ tên tuổi đầy đủ của các cháu tôi không rõ. Ngoài hai vợ chồng cháu T và T cùng con ra không còn ai khác ở cùng. Mẹ con tôi ở cạnh đó nhưng ở nhà đất khác không phải là tài sản thế chấp trong vụ án này.

Từ khi thế chấp đến nay nhà đất và các công trình xây dựng trên 03 thửa đất vẫn vậy không sửa chữa tôn tạo gì thêm.

Nay, trước yêu cầu của Ngân Hàng về việc đòi nợ Công ty tôi không có ý kiến gì nhưng tôi không đồng ý kê biên phát mại 03 khối tài sản tôi đã ký thế chấp để bảo đảm khoản vay cho Công ty vì trước đây khi tôi còn tham gia Công ty làm ăn phát đạt, khi đuối tôi ra thì Công ty mới vỡ nợ nên tôi không đồng ý. Các tài sản này đều là mồ hôi nước mắt của tôi nên tôi không đồng ý kê biên phát mại. Nếu muốn kê biên phát mại thì anh H hay Công ty phải bồi thường thỏa đáng cho ba mẹ con tôi. Các con tôi từ trước đến nay anh H không có trách nhiệm gì do vậy các cháu đã lớn anh H phải có trách nhiệm để các con đỡ thiệt thòi.

Chị VTT trình bày: Việc thế chấp vay mượn giữa các bên chị không biết và không tham gia. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án buộc CNC phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân Hàng tạm tính đến ngày 31/3/2021 là: Dư nợ gốc: 19.993.100.000 đồng. Lãi trong hạn: 477.602.661 đồng; Lãi quá hạn: 4.821.147.818 đồng. Tổng cộng là 25.291.850.479 đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp. Yêu cầu tiếp tục tính lãi. Do bị đơn không có mặt để xác nhận số tiền lãi do vậy đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa xác định: Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân Hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ là có căn cứ. Đối với số tiền nợ lãi quá hạn ngân Hàng yêu cầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận một phần lãi quá hạn. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu nợ gốc và lãi trong hạn. Buộc CNC phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân Hàng tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày xét xử: Dư nợ gốc: 19.993.100.000 đồng. Lãi trong hạn: 477.602.661 đồng, Lãi quá hạn là 3.574.286.959 đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu không đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

* Về tố tụng: NH (BIDV) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với CNC. CNC có trụ sở tại : Lô 66 X, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố HN. Tại Quyết định giải quyết tranh chấp về thẩm quyền số 104/2010/QĐ-CA ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố HN. Căn cứ vào khoản 3, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017 ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân quận LB thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật.

CNC là bị đơn. Bà Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo pháp luật. Ông TNH, bà NTH có tài sản thế chấp; chị VTT và cháu TKA đang ở trên nhà đất thế chấp là đương sự trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cháu A chưa đủ 18 tuổi đang ở với mẹ do vậy chị T là người đại diện cho cháu A. Đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông TNH, bà NTH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị VTT xin giải

quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Bà NTQ, ông TNH, bà NTH và chị VTT

*** Về nội dung:**

Xét đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy: Ngân Hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc HN (sau đây gọi tắt là “BIDV Bắc HN”) và CNC (sau đây gọi tắt là “Công ty CNC”) đã ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/7873583/HĐTD ngày 26/06/2018: số tiền cho vay 5.350.600.000 đồng, thời điểm cho vay 26/06/2018, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 7,5%/năm, mục đích vay vốn: thanh toán tiền Hàng theo Hợp đồng kinh tế số 9815/2018-HĐKT-CNC/910 ngày 15/04/2018 và hóa đơn số 0000024 ngày 18/06/2018. Khoản vay được gia hạn thời hạn trả nợ thêm 4 tháng đến ngày 26/04/2019 với lãi suất áp dụng 10,29%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/7873583/HĐTD ngày 31/10/2018: số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng, thời điểm cho vay 02/11/2018, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua Hàng tiền Hàng theo Hợp đồng kinh tế số 7153/2018-HĐKT-CNC/910.

- Hợp đồng tín dụng số 05/2018/7873583/HĐTD ngày 03/12/2018: số tiền cho vay 795.500.000 đồng, thời điểm cho vay 04/12/2019, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 9,4%/năm, mục đích vay vốn: Thanh toán tiền Hàng theo Hợp đồng kinh tế số 93/2018- HĐKT-CNC/TN ngày 20/11/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 06/2018/7873583/HĐTD ngày 06/12/2018: số tiền cho vay 6.847.000.000 đồng, thời điểm cho vay 06/12/2019, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 9,4%/năm, mục đích vay vốn: Thanh toán tiền Hàng theo Hợp đồng kinh tế số 36/2018-HĐKT-CNC/SMART ngày 29/10/2018; Hợp đồng kinh tế số 37/2018-HĐKT-CNC/SMART ngày 01/11/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7873583/HĐTD ngày 10/01/2019 bao gồm 2 khế ước cụ thể:

+ Khế ước vay số 15082000228673: số tiền cho vay 2.320.000.000 đồng, thời điểm cho vay 11/01/2019, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 9,7%/năm, mục đích vay vốn: thanh toán tiền Hàng theo hợp đồng kinh tế số 1471/2018-HĐKT-CNC/TN ký ngày 10/12/2018.

+ Khế ước vay số 15082000228886: số tiền cho vay 2.680.000.000 đồng, thời điểm cho vay 15/01/2019, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 9,7%/năm, mục đích vay vốn: thanh toán tiền Hàng theo hợp đồng kinh tế số 1471/2018-HĐKT-CNC/TN ký ngày 10/12/2018.

Lãi suất quá hạn của 05 Hợp đồng nêu trên là 150% lãi suất trong hạn.

Tổng số tiền cho vay theo các Hợp đồng tín dụng trên là 19.993.100.000 đồng. Đây là các khoản vay ngắn hạn với mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CNC. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho

các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty CNC thực hiện thế chấp các tài sản bảo đảm cho BIDV Bắc HN với các tài sản cụ thể:

1. Tài sản thế chấp

1.1 Loại tài sản máy móc thiết bị:

- Hệ thống dây chuyền con lăn và khung đỡ: Hợp đồng kinh tế số 230118/HĐKT/2018/CNC/9&10 ngày 23/01/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 07/04/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/7873583/HĐBĐ ngày 27/04/2018

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 05 tấn: Hợp đồng kinh tế số 2510/HĐKT/2018/CNC-9&10 ngày 25/10/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000066 ngày 02/01/2019. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7873583/HĐBĐ ngày 09/01/2019.

- Hệ thống máy pha tôn Plasma: Hợp đồng kinh tế số 7510/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 15/02/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000037 ngày 02/05/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 02/2018/7873583/HĐBĐ ngày 01/06/2018.

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 30 tấn: Hợp đồng kinh tế số 350/2018/HĐKT/2017/CNC- 9&10 ngày 25/01/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 02/2018/7873583/HĐBĐ ngày 01/06/2018.

- Hệ thống máy cắt kim loại. Hợp đồng kinh tế số 9076/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 01/03/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000050 ngày 15/06/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 04/2018/7873583/HĐBĐ ngày 26/06/2018.

Tất cả những tài sản nói trên đều đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại HN.

1.2 Tài sản là Bất Động sản

1.2.1. Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 143-3, tờ bản đồ số: Xóm Lò. Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 395872, số vào sổ cấp GCN: 1233, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3658.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3669.2017 ngày 16/08/2017. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 001524/2018/HĐTC. Quyền số: 03TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/06/2018 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương

1.2.2. Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 143-2, tờ bản đồ số: Xóm Lò. Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m² Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà

ở và tài sản gắn liền với đất số BD 395873, sổ vào sổ cấp GCN: 1234, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3659.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3668.2017 ngày 16/08/2017. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 001525/2018/HĐTC. Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/06/2018 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương.

1.2.3. Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 146(2), tờ bản đồ số: 4. Địa chỉ: Tổ 25, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 66,8 m² (Sáu mươi sáu phẩy tám mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :66,8 m²; chung: 0 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 174754, sổ vào sổ cấp GCN: 238, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 30/12/2011. Ngày 21/12/2018, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 347/TN.12.8/HĐCN lập tại VPCC Trương Thị Nga, hồ sơ số 1804005893BD. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 000114/2019/HĐTC. Quyền số: 01TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương.

1.3 Tài sản là Phần vốn góp: Phần vốn góp của ông TNH có chứng minh thư nhân dân số 035082000169 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân cấp ngày 10/06/2015 tại Công ty CP sản xuất cơ khí và Xây dựng CNC theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/7873583/HĐBD ngày 12/07/2018.

Về nợ gốc: Ngân Hàng trình bày phía Công ty chưa trả được một đồng tiền gốc nào do chưa đến hạn. Phía bị đơn không đến tòa. Xét các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở buộc Công ty CP sản xuất cơ khí và Xây dựng CNC phải trả cho NH (BIDV) 19.993.100.000 đồng tiền gốc.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn trình bày: Quá trình vay vốn, cho đến tháng 02/2019, Công ty CNC thực hiện trả nợ lãi theo đúng lịch trả nợ đã cam kết trong các Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, kể từ tháng 03/2019, Công ty CNC đã dừng hẳn việc trả nợ gốc, lãi vay cho BIDV Bắc HN. Tính đến 31/3/2021 Công ty CP sản xuất cơ khí và Xây dựng CNC còn nợ 477.602.661 đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là : 4.169.933.708 đồng (có bảng tính lãi kèm theo)

Khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách Hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân Hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách Hàng...”

Như vậy giữa bên cho vay và bên vay đã thỏa thuận lãi suất trong các hợp đồng và bảng kê rút vốn là 10,29%; 9,7%/; 7,5%, 7,8% và 9,4%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết.

Thời hạn vay trong các hợp đồng tín dụng giữa Công ty với Ngân Hàng có thời hạn là 6 tháng. Do đó xác định đây là khoản vay ngắn hạn.

Tại các bảng kê rút vốn đều thể hiện: Lãi suất cho vay trong hạn là cố định.

Theo quy định tại thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân Hàng nhà nước quy định thì tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá trong từng thời kỳ. Theo Quyết định số 1425 ngày 07/7/2017 lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt nam tối đa là 6.5%/năm.

Như vậy lãi suất quá hạn phía ngân Hàng yêu cầu quá cao không điều chỉnh lãi suất theo quy định của Ngân Hàng nhà nước. Do vậy chỉ chấp nhận lãi suất quá hạn được tính điều chỉnh như sau: Lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân Hàng NH nước là $6,6\% \times 150\%$. Lãi quá hạn được điều chỉnh: $\text{Nợ gốc} \times \text{lãi quá hạn} \times \text{số ngày vi phạm} : 365 \text{ ngày}$

Ngân Hàng xác định bị đơn thanh toán đầy đủ tiền lãi của các hợp đồng tín dụng đến tháng 3/2019 và cũng từ đó phía bị đơn không thanh toán được một đồng tiền gốc và lãi nào. Theo quy định tại mục b điều 7 của các hợp đồng tín dụng quy định thì: Định kỳ bên vay có trách nhiệm trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, thời gian ân hạn lãi tối đa 06 ngày tuy nhiên không quá ngày làm việc cuối cùng của tháng. Như vậy xác định ngày 26/4/2019 là ngày phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi và cũng là ngày chuyển nợ quá hạn của các hợp đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị HĐXX tính lãi chuyển nợ quá hạn kể từ ngày hết hạn của các hợp đồng. Sự tự nguyện này của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Như vậy lãi suất quá hạn của các hợp đồng và bảng kê rút vốn được tính cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 03/2018/7873583/HĐTD ngày 26/06/2018: số tiền cho vay 5.350.600.000 đồng, thời điểm cho vay 26/06/2018, cơ cấu gia hạn đến ngày 26/4/2019. Thời gian vay 6 tháng. Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 26/4/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 705 ngày.

Cụ thể như sau:

$5.350.600.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/năm \times 705 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 1.007.635.253 \text{ đồng.}$

Hợp đồng tín dụng số 04/2018/7873583/HĐTD ngày 31/10/2018: số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng, thời điểm cho vay 02/11/2018, thời gian vay 6 tháng, Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 02/5/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 669 ngày.

Cụ thể như sau:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/năm \times 669 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 373.438.356 \text{ đồng.}$

Hợp đồng tín dụng số 05/2018/7873583/HĐTD ngày 03/12/2018: số tiền cho vay 795.500.000 đồng, thời điểm cho vay 04/12/2019, thời gian vay 6 tháng,

Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 04/6/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 666 ngày.

Cụ thể như sau:

$795.500.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/\text{năm} \times 666 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 141.522.719 \text{ đồng}.$

Hợp đồng tín dụng số 06/2018/7873583/HĐTD ngày 06/12/2018: số tiền cho vay 6.847.000.000 đồng, thời điểm cho vay 06/12/2019, thời gian vay 6 tháng. Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 06/6/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 664 ngày.

$6.847.000.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/\text{năm} \times 664 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 1.214.451.452 \text{ đồng}.$

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/7873583/HĐTD ngày 10/01/2019 bao gồm 2 khế ước cụ thể:

+ Khế ước vay số 15082000228673: số tiền cho vay 2.320.000.000 đồng, thời điểm cho vay 11/01/2019, thời gian vay 6 tháng. Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 11/7/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 629 ngày.

$2.320.000.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/\text{năm} \times 629 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 389.807.671 \text{ đồng}.$

+ Khế ước vay số 15082000228886: số tiền cho vay 2.680.000.000 đồng, thời điểm cho vay 15/01/2019, thời gian vay 6 tháng. Như vậy thời điểm chuyển nợ quá hạn là 15/7/2019. Tính đến ngày 31/3/2021 là 625 ngày.

$2.680.000.000 \text{ đồng} \times 9,75\%/\text{năm} \times 625 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 447.431.506 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng cộng lãi suất quá hạn tính đến ngày 31/3/2021 của các hợp đồng và bảng kê rút vốn là 3.574.286.959 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng số 01/2019/7873583/HĐTD ngày 10/01/2019, Hợp đồng tín dụng số 03/2018/7873583/HĐTD ngày 26/06/2018, Hợp đồng tín dụng số 04/2018/7873583/HĐTD ngày 31/10/2018, Hợp đồng tín dụng số 05/2018/7873583/HĐTD ngày 03/12/2018, Hợp đồng tín dụng số 06/2018/7873583/HĐTD ngày 06/12/2018 giữa NH (BIDV) và Công ty Cổ phần sản xuất Cơ khí và Xây dựng CNC được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Lãi suất cho vay đã được các bên thỏa thuận, nguyên đơn đã cung cấp bản kê thanh toán gốc và lãi của bị đơn đã đủ căn cứ khẳng định toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên là đúng. Ngoài ra hợp đồng tín dụng và các kế ước nêu trên còn quy định về quyền trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên và nhiều nội dung khác. Hợp đồng tín dụng và các bảng kê rút vốn nêu trên có nội dung và các điều khoản quy định cụ thể, rõ ràng. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng với phạm vi ngành nghề kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng và bảng kê rút vốn nhận nợ có hiệu lực pháp luật và các bên buộc phải thực hiện.

Từ những phân tích nhận định trên thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc CNC phải thanh toán trả cho NH (BIDV) tính đến ngày 31/3/2021 tổng cộng số tiền là: 24.044.989.620 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 19.993.100.000 đồng; Lãi trong hạn: 477.602.661 đồng và lãi quá hạn là 3.574.286.959 đồng.

Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của các hợp đồng tín dụng.

Xét các Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/7873583/HĐBĐ ngày 27/04/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/7873583/HĐBĐ ngày 09/01/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/7873583/HĐBĐ ngày 01/06/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2018/7873583/HĐBĐ ngày 26/06/2018; Hợp đồng thế chấp vốn góp số 05/2018/7873583/HĐBĐ ngày 12/07/2018; Hợp đồng thế chấp số công chứng 001524/2018/HĐTC, Quyền số: 03TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/06/2018; Hợp đồng thế chấp Số công chứng 001525/2018/HĐTC, Quyền số: 03TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/06/2018; Hợp đồng thế chấp Số công chứng 000114/2019/HĐTC. Quyền số: 01TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/01/2019 giữa NH (BIDV) và Công ty Cổ phần sản xuất Cơ khí và Xây dựng CNC được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp là bất động sản đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai nơi có tài sản thế chấp. Các tài sản là máy móc đều đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch đảm bảo tại HN.

Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện. Do đó trong trường hợp CNC không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng thì Ngân Hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Nếu trên đất có nhà thuộc sở hữu của người khác không phải là của người sử dụng đất thì người chủ sở hữu nhà đó được quyền ưu tiên nếu họ có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng).

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, điều 227, điều 228, điều 235, điều 264, điều 266, điều 271, điều 273, điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 342, 343, 361, 369, 471, 474, của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 12 Luật Ngân Hàng nhà nước Việt Nam; Khoản 3 Điều 90, khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Án lệ số 11/2017/AL; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng

12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 sửa đổi một số điều của nghị định số 163; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi Hình án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH (BIDV)

2. Xác nhận: Tính đến ngày 31/3/2021 CNC còn nợ NH (BIDV) tổng số tiền là: tổng cộng số tiền là: 24.044.989.620 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 19.993.100.000 đồng; Lãi trong hạn: 477.602.661 đồng và lãi quá hạn là 3.574.286.959 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/7873583/HĐTD ngày 10/01/2019; HĐTD ngày 26/06/2018; Hợp đồng tín dụng số 04/2018/7873583/HĐTD ngày 31/10/2018; Hợp đồng tín dụng số 05/2018/7873583/HĐTD ngày 03/12/2018 và Hợp đồng tín dụng số 06/2018/7873583/HĐTD ngày 06/12/2018.

2.1: Buộc CNC phải thanh toán cho NH toàn bộ khoản nợ trên. Kể từ ngày 01/01/2020, khách Hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân Hàng cho vay.

2.2: Trong trường hợp CNC không trả được nợ cho NH thì NH có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: 143-3, tờ bản đồ số: Xóm Lò. Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 395872, số vào sổ cấp GCN: 1233, do ủy ban nhân dân quận LB, tHnh phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3658.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 3669.2017 ngày 16/08/2017. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 001524/2018/HĐTC. Quyền số: 03TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/06/2018 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: 143-2, tờ bản đồ số: Xóm Lò. Địa chỉ: Tổ 22, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 68,4 m² (Sáu mươi tám phẩy bốn mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :47,2 m²; chung: 21,2 m² Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 395873, số vào sổ cấp GCN: 1234, do ủy ban nhân dân quận LB, thành phố HN cấp ngày 04/05/2011. Ngày 17/08/2017, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 3659.2017 ngày 16/08/2017 và văn bản sửa đổi bổ

sung hợp đồng số 3668.2017 ngày 16/08/2017. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 001525/2018/HĐTC. Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/06/2018 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số: 146(2), tờ bản đồ số: 4. Địa chỉ: Tổ 25, phường T, quận LB, TP HN. Diện tích: 66,8 m² (Sáu mươi sáu phẩy tám mét vuông). Hình thức sử dụng: riêng :66,8 m²; chung: 0 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 174754, sổ vào sổ cấp GCN: 238, do ủy ban nhân dân quận LB, tHnh phố HN cấp ngày 30/12/2011. Ngày 21/12/2018, văn phòng đăng ký đất đai HN- Chi nhánh LB xác nhận: Chuyển nhượng cho Ông TNH và vợ là bà NTH theo hợp đồng số 347/TN.12.8/HĐCN lập tại VPCC Trương Thị Nga, hồ sơ số 1804005893BD. Theo Hợp đồng thế chấp Số công chứng 000114/2019/HĐTC. Quyền số: 01TP/CC-SCCHĐGD ngày 14/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương.

- Hệ thống dây chuyền con lăn và khung đỡ: Hợp đồng kinh tế số 230118/HĐKT/2018/CNC/9&10 ngày 23/01/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 07/04/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2018/7873583/HĐBĐ ngày 27/04/2018

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 05 tấn: Hợp đồng kinh tế số 2510/HĐKT/2018/CNC-9&10 ngày 25/10/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000066 ngày 02/01/2019. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/7873583/HĐBĐ ngày 09/01/2019.

- Hệ thống máy pha tôn Plasma: Hợp đồng kinh tế số 7510/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 15/02/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000037 ngày 02/05/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 02/2018/7873583/HĐBĐ ngày 01/06/2018.

- 02 bộ cầu trục dầm đôi 30 tấn: Hợp đồng kinh tế số 350/2018/HĐKT/2017/CNC- 9&10 ngày 25/01/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 02/2018/7873583/HĐBĐ ngày 01/06/2018.

- Hệ thống máy cắt kim loại. Hợp đồng kinh tế số 9076/HĐKT/2018/CNC/KCTNB ngày 01/03/2018 và Hóa đơn GTGT số 0000050 ngày 15/06/2018. Theo hợp đồng thế chấp số 04/2018/7873583/HĐBĐ ngày 26/06/2018.

- Phần vốn góp của ông TNH tại Công ty CNC Theo hợp đồng thế chấp số 05/2018/7873583/HĐBĐ ngày 12/07/2018.

3.Về án phí: CNC phải chịu 132.035.000 đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả NH 64.715.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân Hàng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0015244 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi gửi:

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP HN;
- VKSND quận LB;
- THADS quận LB;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Nga